

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

-----***-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY MẸ
Quý 3 năm 2011

CÔNG TY: TCT TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Địa chỉ: CT Plaza, 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, TPHCM
 Tel: 08.6 2971767 Fax: 08.62971770

Báo cáo tài chính
Quý 3 năm tài chính 2011

Mẫu số

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			0	0
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		406,695,647,232	279,730,895,145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		121,781,601,134	101,564,384,504
1. Tiền	111		121,781,601,134	101,564,384,504
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244,380,578,935	134,193,872,654
1. Phải thu khách hàng	131		23,110,195,210	10,913,480,517
2. Trả trước cho người bán	132		62,108,026,536	2,445,397,303
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		155,549,848,400	115,942,080,923
5. Các khoản phải thu khác	135		3,805,353,608	5,085,758,730
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192,844,819)	(192,844,819)
IV. Hàng tồn kho	140		17,924,928,951	24,292,280,792
1. Hàng tồn kho	141		17,924,928,951	24,292,280,792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,608,538,212	19,680,357,195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,509,725,677	1,203,338,679
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,160,430,937	1,757,226,030
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		0	1,246,029,906
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11,938,381,598	15,473,762,580
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178,381,307,022	90,570,758,516
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		10,673,225,603	11,979,824,437
1. Tài sản cố định hữu hình	221		6,940,350,691	7,917,962,394
- Nguyên giá	222		22,817,489,323	33,235,474,055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,877,138,632)	(25,317,511,661)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		3,732,874,912	4,061,862,043
- Nguyên giá	228		6,318,501,888	6,083,871,388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,585,626,976)	(2,022,009,345)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167,488,672,978	77,435,732,547
1. Đầu tư vào công ty con	251		38,404,812,478	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		129,083,860,500	77,435,732,547
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		219,408,441	1,155,201,532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		219,408,441	1,155,201,532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		585,076,954,254	370,301,653,661
NGUỒN VỐN			Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		356,815,208,715	267,610,909,938
I. Nợ ngắn hạn	310		329,060,672,350	261,496,621,733
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312		7,946,497,343	24,963,169,731
3. Người mua trả tiền trước	313		74,038,689,312	61,280,416,235
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		13,343,000,425	3,752,517,657
5. Phải trả người lao động	315		16,901,774,745	40,149,764,595
6. Chi phí phải trả	316		187,401,072,687	86,049,010,795
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		13,705,515,290	30,091,064,315
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		11,455,378,564	12,044,443,591
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,268,743,984	3,166,234,814
II. Nợ dài hạn	330		27,754,536,365	6,114,288,205
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		127,050,000	137,050,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		26,731,407,197	5,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		896,079,168	977,238,205
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228,261,745,539	102,690,743,723
I. Vốn chủ sở hữu	410		228,261,745,539	102,690,743,723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		321,888,415	353,718,415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,600,295,812	1,600,295,812
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	109,330
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,902,424,923	4,750,644,717
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,892,901,528	3,741,121,322
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	9,250,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35,544,234,861	12,235,604,127
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585,076,954,254	370,301,653,661
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại (USD)	05		340,667.61	484,506.46
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thúy Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hồ Khả Thịnh



TP. HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Thanh

CÔNG TY: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
Địa chỉ: CT Plaza, 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, TPHCM
Tel: 08.6 2971767 Fax: 08.6 2971770

Báo cáo tài chính
Quý 3 năm tài chính 2011

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		94,343,807,984	109,956,982,376	397,909,265,542	285,590,521,528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		94,343,807,984	109,956,982,376	397,909,265,542	285,590,521,528
4. Giá vốn hàng bán	11		69,966,289,187	97,198,124,823	329,061,410,232	248,060,661,594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		24,377,518,797	12,758,857,553	68,847,855,310	37,529,859,934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,348,148,023	257,405,382	5,438,733,367	2,380,421,321
7. Chi phí tài chính	22		264,322,353	608,031,277	423,493,734	610,810,611
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		262,878,809	606,710,013	405,631,824	606,710,013
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,302,894,183	8,473,521,584	31,461,671,029	25,720,764,173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		15,158,450,284	3,934,710,074	42,401,423,914	13,578,706,471
11. Thu nhập khác	31		1,274,437,729	23,126,157	5,157,448,324	4,238,151,945
12. Chi phí khác	32		0	139,662	151,559,089	2,453,542
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1,274,437,729	22,986,495	5,005,889,235	4,235,698,403
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		16,432,888,013	3,957,696,569	47,407,313,149	17,814,404,874
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,108,222,004	989,424,142	11,863,078,288	4,453,601,219
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		12,324,666,009	2,968,272,427	35,544,234,861	13,360,803,655
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		0	0		

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TPHCM, ngày 19 tháng 10 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thúy Hằng

Hồ Khả Thịnh

Đỗ Văn Thanh

CÔNG TY: TCT TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Địa chỉ: CT Plaza, 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, TPHCM
 Tel: 08.6 2971767 Fax: 08.6 2971770

Báo cáo tài chính
Quý 3 năm tài chính 2011

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47,407,313,149	17,814,404,874
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2,068,151,536	1,737,706,197
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,021,733,367)	(1,444,906,781)
- Chi phí lãi vay	06		405,631,824	606,710,013
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44,859,363,142	18,713,914,303
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109,919,077,364)	(88,659,718,809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,367,351,841	54,393,307,327
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		66,380,382,410	84,420,005,277
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,370,593,907)	(967,587,949)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(405,631,824)	(606,710,013)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,318,000,538)	(4,149,188,897)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6,901,477,916	9,250,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(752,085,351)	(1,568,562,789)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,743,186,325	61,584,708,450
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,954,411,228)	(4,803,725,783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(90,052,940,431)	(34,217,838,547)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,021,733,367	1,444,906,781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(88,985,618,292)	(37,576,657,549)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		100,000,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	1,223,963,195
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35,499,616,664	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13,768,209,467)	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,271,758,600)	(9,541,440,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		103,459,648,597	(8,317,476,805)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		20,217,216,630	15,690,574,096
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		101,564,384,504	42,270,291,351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		121,781,601,134	57,960,865,447

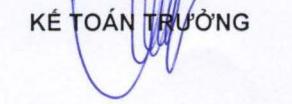
NGƯỜI LẬP

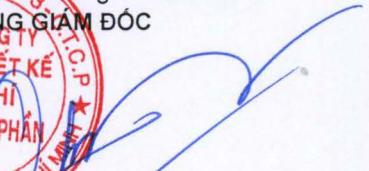
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TPHCM, ngày 19 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC


 Lê Thị Thúy Hằng


 Hồ Khả Thịnh



 Đỗ Văn Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Thông tin khái quát:

Hình thức sở hữu vốn: Tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30/09/2011 là 370 người

Hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng; Tư vấn quản lý dự án chuyên ngành dầu khí từ trên bờ đến ngoài biển, dự án thăm dò, khai thác dầu khí, lọc dầu, dự án công nghiệp và dân dụng. Tư vấn lập dự án đầu tư. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu. Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cơ khí công trình dầu khí. Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất và hóa dầu, chế biến khí. Thiết kế điện công trình công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán). Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác. Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Khảo sát xây dựng. Thiết kế: kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, điện áp <22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Kiểm định chất lượng xây dựng. Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC). Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Kinh doanh bất động sản. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình công nghiệp 2 (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ). Khảo sát địa chất xây dựng công trình. Khảo sát địa hình. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện). Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE (gọi tắt là PVE-PMC) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 05/04/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn quản lý và giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (gọi tắt là PVE-SC) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 05/04/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn kiểm tra đánh giá hiện trạng các công trình dầu khí, công trình công nghiệp và dân dụng, khảo sát địa hình xây dựng công trình và kiểm định

chất lượng công trình.

- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí (gọi tắt là PCIC) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 07/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, thiết kế, giám sát, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu:

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, Khách sạn Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ từ 20% trở xuống vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, Khách sạn Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2011	31/12/2010
1.1	Tiền mặt	13,133,351,374	9,475,259,161
1.2	Tiền gửi ngân hàng	108,648,249,760	39,208,232,883
	- Tiền gửi VND	101,802,721,714	22,311,264,587
	- Tiền gửi ngoại tệ	6,845,528,046	16,896,968,296
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	52,880,892,460
	Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	121,781,601,134	101,564,384,504

2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/09/2011	31/12/2010
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
	- Đầu tư ngắn hạn khác	0	
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
	Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0

3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	30/09/2011	31/12/2010
3.1	Phải thu khách hàng	23,110,195,210	10,913,480,517
3.2	Trả trước cho người bán	62,108,026,536	2,445,397,303
3.3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	155,549,848,400	115,942,080,923
3.4	Phải thu khác	3,805,353,608	5,085,758,730
	- Phải thu cổ phần hóa	2,908,000	2,908,000
	- Phải thu Ban chỉ tồn CPSX	294,150,772	294,150,772
	- Các khoản phải thu khác	3,508,294,836	4,788,699,958
3.5	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(192,844,819)	(192,844,819)
	Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	244,380,578,935	134,193,872,654

4.	Hàng tồn kho	30/09/2011	31/12/2010
4.1	Hàng tồn kho	17,924,928,951	24,292,280,792
	- Nguyên vật liệu	-	110,372,009
	- Công cụ, dụng cụ	114,005,000	228,432,896
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17,810,923,951	23,953,475,887
4.2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	-
	Cộng hàng tồn kho	17,924,928,951	24,292,280,792
5.	Tài sản ngắn hạn khác	30/09/2011	31/12/2010
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	4,509,725,677	1,203,338,679
5.2	Các khoản thuế phải thu	6,160,430,937	3,003,255,936
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	6,160,430,937	1,757,226,030
	- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	-	1,246,029,906
5.3	Tài sản ngắn hạn khác	11,938,381,598	15,473,762,580

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

	- <i>Tạm ứng</i>	7,274,614,826	10,699,418,744
	- <i>Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	4,663,766,772	4,774,343,836
	Cộng tài sản ngắn hạn khác	22,608,538,212	19,680,357,195

6.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/09/2011	31/12/2010
	- Đầu tư vào công ty con	38,404,812,478	-
	- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
	- Đầu tư dài hạn khác	129,083,860,500	77,435,732,547
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
	Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	167,488,672,978	77,435,732,547

7.	Tài sản dài hạn khác	30/09/2011	31/12/2010
	- Chi phí trả trước dài hạn	219,408,441	1,155,201,532
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	- Tài sản dài hạn khác	-	-
	Cộng tài sản dài hạn khác	219,408,441	1,155,201,532

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và vô hình

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Nhóm Nhà cửa	Nhóm Máy móc	Nhóm Phương tiện VT	Nhóm Dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình	TSCĐ Vô hình	TỔNG CỘNG
A	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7=5+6
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH							
1. Số dư đầu kỳ	4,977,743,477	18,024,992,596	5,900,753,329	4,331,984,653	33,235,474,055	6,083,871,388	39,319,345,443
2. Số tăng trong kỳ	3,322,004,221	3,893,426,154	1,842,597,818	3,032,917,995	12,090,946,188	446,223,000	12,537,169,188
Trong đó: - Mua sắm mới		70,535,000	1,421,181,818	2,104,582,910	3,596,299,728	358,111,500	3,954,411,228
- Điều chuyển	3,322,004,221	3,822,891,154	421,416,000	928,335,085	8,494,646,460	88,111,500	8,582,757,960
3. Số giảm trong kỳ	3,322,004,221	15,426,028,251	1,970,225,905	1,790,672,543	22,508,930,920	211,592,500	22,720,523,420
Trong đó: - Điều chuyển	3,322,004,221	3,822,891,154	421,416,000	928,335,085	8,494,646,460	88,111,500	8,582,757,960
- Góp vào Công ty con		11,603,137,097	1,548,809,905	862,337,458	14,014,284,460	123,481,000	14,137,765,460
4. Số cuối kỳ	4,977,743,477	6,492,390,499	5,773,125,242	5,574,230,105	22,817,489,323	6,318,501,888	29,135,991,211
Trong đó: - Chưa sử dụng					0		0
- Đã hết khấu hao		1,091,545,334	405,808,000	552,115,924	2,049,469,258	517,102,400	2,566,571,658
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN							
					0		0
1. Số dư đầu kỳ	3,558,508,331	14,479,598,671	4,499,763,461	2,779,641,198	25,317,511,661	2,022,009,345	27,339,521,006
2. Số tăng trong kỳ	2,451,266,641	4,179,370,656	785,412,270	898,058,410	8,314,107,977	586,165,266	8,900,273,243
Trong đó: - Khấu hao trong kỳ	166,891,203	509,400,930	363,996,270	441,697,867	1,481,986,270	586,165,266	2,068,151,536
- Điều chuyển	2,284,375,438	3,669,969,726	421,416,000	456,360,543	6,832,121,707		6,832,121,707
3. Giảm trong kỳ	2,284,375,438	12,516,341,265	1,796,683,971	1,157,080,332	17,754,481,006	22,547,635	17,777,028,641
Trong đó: - Điều chỉnh đánh giá lại tài sản		1,153,370,806	179,132,019	100,969,570	1,433,472,395		1,433,472,395
- Điều chuyển	2,284,375,438	3,669,969,726	421,416,000	456,360,543	6,832,121,707		6,832,121,707
- Góp vào Công ty con		7,693,000,733	1,196,135,952	599,750,219	9,488,886,904	22,547,635	9,511,434,539
4. Số cuối kỳ	3,725,399,534	6,142,628,062	3,488,491,760	2,520,619,276	15,877,138,632	2,585,626,976	18,462,765,608
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
					0		0
1- Đầu kỳ	1,419,235,146	3,545,393,925	1,400,989,868	1,552,343,455	7,917,962,394	4,061,862,043	11,979,824,437
2- Cuối kỳ	1,252,343,943	349,762,437	2,284,633,482	3,053,610,829	6,940,350,691	3,732,874,912	10,673,225,603

9. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/09/2011 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết nắm giữ
Cty CP Tư vấn quản lý dự án Dầu khí PVE (PVE-PMC)	91.56%	91.56%
Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (PVE-SC)	88.81%	88.81%
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí (PCIC)	44.39%	44.39%

- Theo nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 04/11/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam v/v chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn tại PCIC cho PVE với tỷ lệ là 44% Nhưng PVE có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PCIC đồng thời trong Hội đồng quản trị có 3 thành viên thì PVE cử 2 thành viên trong Hội đồng quản trị đại diện phần vốn của PVE.

- Theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11/12/2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) v/v phê duyệt phương án thành lập Công ty CP Tư vấn quản lý dự án Dầu khí (PVE-PMC) với số vốn điều lệ là 30.000.000.000đ trong đó PVE góp 60%

- Theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11/12/2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) v/v phê duyệt phương án thành lập Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí (PVE-SC) với số vốn điều lệ là 20.000.000.000đ trong đó PVE góp 60%

- Theo biên bản họp giao ban số 39/BB-ĐTTK ngày 04/05/2011 của Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí 02 công ty con PVE-PMC và PVE-SC đi vào hoạt động chậm nhất là ngày 31/05/2011

10	Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2011	31/12/2010
	- Vay ngắn hạn ngân hàng		
	Cộng	0	0

11	Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/09/2011	31/12/2010
	- Phải trả người bán	7,946,497,343	24,963,169,731
	- Người mua trả tiền trước	74,038,689,312	61,280,416,235
	Cộng phải trả người bán và người mua trả tiền trước	81,985,186,655	86,243,585,966

12	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	30/09/2011	31/12/2010
	- Thuế GTGT	7,340,524,490	3,161,034,704
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,325,359,798	
	- Thuế thu nhập cá nhân	676,136,937	590,503,753
	- Các loại thuế khác	979,200	979,200
	Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13,343,000,425	3,752,517,657
	Ghi chú : - Thuế TNDN phải nộp cho nhà nước các đơn vị trực thuộc kết chuyển về Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Dầu Khí để quyết toán chung toàn Công ty.		

13	Chi phí phải trả	30/09/2011	31/12/2010
	- Chi phí phải trả	187,401,072,687	86,049,010,795
	Cộng	187,401,072,687	86,049,010,795

14	Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/09/2011	31/12/2010
	- Kinh phí công đoàn	1,042,355,625	1,161,097,906
	- Bảo hiểm xã hội	77,418,244	92,933,891
	- Bảo hiểm y tế	(2,535,792)	(10,131,613)
	- Phải trả công ty cổ phần	233,800,000	233,800,000
	- Phải trả phải nộp khác	12,354,477,213	28,613,364,131
	Cộng các khoản phải trả, phải nộp	13,705,515,290	30,091,064,315

15	Nợ dài hạn	30/09/2011	31/12/2010
	- Phải trả dài hạn khác	127,050,000	137,050,000
	- Vay và nợ dài hạn	26,731,407,197	5,000,000,000
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	896,079,168	977,238,205
	Cộng nợ dài hạn	27,754,536,365	6,114,288,205

16	Nguồn kinh phí	30/09/2011	31/12/2010
	- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	
	- Chi sự nghiệp	-	
	- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THIẾT KẾ DẦU KHÍ**

Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2010	80,000,000,000		(29,507,454)	1,600,295,812	(1,223,963,195)	3,246,474,232	2,236,950,837	15,041,704,859	100,871,955,091
- Sử dụng quỹ				(440,750,000)					(440,750,000)
- Trích quỹ trong năm				450,000,000		1,504,170,485	1,504,170,485	(5,500,264,859)	(2,041,923,889)
- Vốn góp tăng trong năm									0
- Nhận nguồn kinh phí									0
- Cổ tức đã trả								(20,341,440,000)	(20,341,440,000)
- Cổ phiếu ngân quỹ		353,718,415			1,223,963,195				1,577,681,610
- Chênh lệch tỷ giá			29,616,784						29,616,784
- Lợi nhuận trong năm								23,035,604,127	23,035,604,127
Tại ngày 31/12/2010	80,000,000,000	353,718,415	109,330	1,609,545,812	0	4,750,644,717	3,741,121,322	12,235,604,127	102,690,743,723
- Sử dụng quỹ		(31,830,000)		(9,250,000)					(41,080,000)
- Trích quỹ trong năm						1,151,780,206	1,151,780,206	(12,235,604,127)	(9,932,043,715)
- Vốn góp tăng trong năm	100,000,000,000								100,000,000,000
- Nhận nguồn kinh phí									0
- Cổ tức đã trả									0
- Cổ phiếu ngân quỹ									0
- Chênh lệch tỷ giá			(109,330)						(109,330)
- Lợi nhuận trong năm								35,544,234,861	35,544,234,861
Tại ngày 30/09/2011	180,000,000,000	321,888,415	0	1,600,295,812	0	5,902,424,923	4,892,901,528	35,544,234,861	228,261,745,539

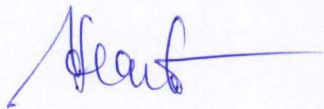
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

	Các thông tin trong báo cáo KQ kinh doanh	30/09/2011	31/12/2010
18	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	397,909,265,542	416,615,960,612
19	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
20	Giá vốn hàng bán	329,061,410,232	353,437,626,578
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5,438,733,367	4,452,074,206
22	Chi phí hoạt động tài chính	423,493,734	1,202,508,031
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,461,671,029	40,382,235,449
24	Thu nhập khác	5,157,448,324	747,188,824
25	Chi phí khác	151,559,089	523,366,190

26	Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ	30/09/2011	31/12/2010
	- Tổng lợi nhuận kế toán trước Thuế	47,407,313,149	26,269,487,394
	- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
	+ Các khoản điều chỉnh tăng		
	+ Các khoản điều chỉnh giảm		
	- Tổng thu nhập chịu thuế	47,407,313,149	26,269,487,394
	- Thuế TNDN phải nộp	11,863,078,288	3,233,883,267
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	35,544,234,861	23,035,604,127
	- Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN	-	
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

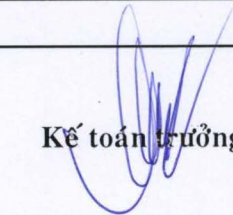
27	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	30/09/2011	31/12/2010
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117,974,372,786	90,770,549,046
	+ Nguyên liệu, vật liệu	115,974,868,057	89,504,740,306
	+ Công cụ, dụng cụ	1,999,504,729	1,265,808,740
	- Chi phí nhân công	49,384,014,695	95,112,357,706
	+ Chi phí nhân công trực tiếp	16,660,666,860	22,552,361,819
	+ Chi phí nhân viên quản lý	32,723,347,835	72,559,995,887
	- Chi phí khấu hao TSCĐ, ca máy thuê ngoài	3,713,642,124	13,446,697,071
	Trong đó chi phí KH TSCĐ		3,230,264,597
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,549,932,866	45,950,529,760
	- Chi phí bằng tiền	40,306,259,103	42,149,843,070
	Cộng	233,928,221,574	287,429,976,653

Người lập biểu



Lê Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Hồ Khả Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2011

Tổng Giám đốc




 Đỗ Văn Thanh